
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.255.541.266	842.762.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.104.571.245	33.556.186
1. Tiền	111		1.104.571.245	33.556.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.075.972.000	783.365.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.556.972.000	1.179.577.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	35.500.000.000	469.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	19.000.000	84.788.850
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(950.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.054.545	-
1. Hàng tồn kho	141		1.054.545	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.943.476	25.840.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	15.727.272	25.840.903
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.216.204	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.852.047.161	21.410.296.809
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.922.199.930	3.922.199.930
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.922.199.930	3.922.199.930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
			0	
II. Tài sản cố định	220		4.229.847.231	2.788.096.879
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.229.847.231	2.788.096.879
Nguyên giá	222		5.335.124.014	4.519.685.561
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.105.276.783)	(1.731.588.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
Nguyên giá	228			130.909.127
Giá trị hao mòn lũy kế	229			(130.909.127)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.700.000.000	14.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.700.000.000	14.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.107.588.427	22.253.059.748

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		495.701.603	5.871.756.883
I. Nợ ngắn hạn	310		495.701.603	5.871.756.883
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	112.500.000	929.026.827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	-	121.615.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	106.154.208	157.478.775
4. Phải trả người lao động	314		189.964.235	162.663.820
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	22.500.000	191.300.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	9.608.573	62.697.874
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	-	4.186.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.974.587	60.974.587
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.611.886.824	16.381.302.865
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	62.611.886.824	16.381.302.865
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ	415			-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39.748.779.513	(6.481.804.446)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.481.804.446)	(7.452.386.452)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.230.583.959	970.582.006
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.107.588.427	22.253.059.748

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Oanh

Phạm Thị Minh Thư

Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vinh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV NĂM 2018	QUÝ IV NĂM 2017	LŨY KẾ TỪ 01/01/2018 ĐẾN 31/12/2018	LŨY KẾ TỪ 01/01/2017 ĐẾN 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.714.106.519	1.095.357.273	13.127.356.001	9.489.060.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.714.106.519	1.095.357.273	13.127.356.001	9.489.060.235
4. Giá vốn hàng bán	11		10.164.139.634	151.470.100	10.967.480.087	5.043.911.279
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		549.966.885	943.887.173	2.159.875.914	4.445.148.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		38.000.128.161	90.666	45.983.393.247	2.961.551
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-			
9. Chi phí bán hàng	25		12.124.407	24.261.592	57.981.518	147.320.162
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		674.715.820	814.137.850	2.432.744.664	3.208.333.214
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.863.254.819	105.578.397	45.652.542.979	1.092.457.131
12. Thu nhập khác	31		423.712.527		689.212.531	
13. Chi phí khác	32		(3.213.121)	4.821.883	5.987.057	29.998.445
14. Lợi nhuận khác	40		426.925.648	(4.821.883)	683.225.474	(29.998.445)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.290.180.467	100.756.514	46.335.768.453	1.062.458.686
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		82.636.093	20.151.303	105.184.494	83.324.394
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>38.207.544.374</u>	<u>80.605.211</u>	<u>46.230.583.959</u>	<u>979.134.292</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>38.207.544.374</u>	<u>80.605.211</u>	<u>46.230.583.959</u>	<u>979.134.292</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			-		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu



Đỗ Thị Oanh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp Trực tiếp)

Quý 4 năm 2018

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 30/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Thu tiền từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.195.333.347	18.173.089.526
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(50.651.967.933)	(7.981.598.837)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.554.650.444)	(2.734.343.812)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(174.538.500)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(48.032.564)	(63.173.091)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.189.364.847	7.440.832.740
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.681.427.663)	(8.397.330.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.725.918.910)	6.437.476.421
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			45.982.933.969	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21			-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(14.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45.982.933.969	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		45.982.933.969	(14.700.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 30/12/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.545.000.000	9.150.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.731.000.000)	(4.964.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.186.000.000)	4.186.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.071.015.059	(4.076.523.579)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	33.556.186	4.110.079.765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.104.571.245	33.556.186

Người lập biểu

Đỗ Thị Oanh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** Kinh doanh hàng hóa thương mại
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (trước đây là Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Phú Thọ)	Số 108, Phố Cầu Đất, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	98%
Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ cao y tế Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Nha Trang)	Số 2, Đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	98%	98%
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	98%

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc thiết bị

05-08

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	110.171.854	29.077.184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	994.399.391	4.479.002
Cộng	1.104.571.245	33.556.186

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng khác	3.556.972.000	-	1.179.577.000	(500.000.000)
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	-	-	500.000.000	(500.000.000)
Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc	-	-	134.684.000	-
Công ty CP SX kinh doanh dược và TTBYT Việt Mỹ	-	-	440.000.000	-
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy	356.972.000	-	-	-
Các khách hàng khác	-	-	104.893.000	-
Công ty CP ứng dụng công nghệ cao y tế Nha Trang	3.200.000.000	-	-	-
Cộng	3.556.972.000	-	1.179.577.000	(500.000.000)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán khác	35.500.000.000	-	469.000.000	(450.000.000)
Công ty cổ phần Kanpeki Nhật Bản	35.500.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP tư vấn kiến trúc đô thị UAC	-	-	450.000.000	(450.000.000)
Các nhà cung cấp khác	-	-	19.000.000	-
Cộng	35.500.000.000	-	469.000.000	(450.000.000)

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	14.929.000	-
Ông Đặng Quang Nam - Phải thu tạm ứng	-	-	14.929.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	19.000.000	-	69.859.850	-
Tạm ứng	-	-	69.859.850	-
Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	-	-
Cộng	19.000.000	-	84.788.850	-

b) Dài hạn

Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất trên” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	1.054.545	-	-	-
Cộng	1.054.545	-	-	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí CCDC	4.545.454	25.840.903
Chi phí thuê văn phòng	11.181.818	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	15.727.272	25.840.903

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	3.692.906.129	317.059.632	509.719.800	4.519.685.561
Tăng	1.850.000.000	-	-	1.850.000.000
Giảm khác	(207.782.115)	(317.059.632)	(509.719.800)	(-1.034.561.547)
Số cuối kỳ	5.335.124.014	-	-	5.335.124.014
<i>Trong đó:</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>				
Giá trị hao mòn				
Số đến đầu năm	904.809.250	317.059.632	509.719.800	1.731.588.682
Khấu hao trong năm	408.251.982			408.251.982
Giảm khác	(207.784.449)	(317.059.632)	(509.719.800)	(1.034.563.881)
Số cuối kỳ	1.105.276.783	-	-	1.105.276.783
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	4.374.787.830	-	-	4.374.787.830
Số cuối kỳ	4.229.847.231	-	-	4.229.847.231

8. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư góp vốn vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	14.700.000.000	-	14.700.000.000	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (a)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ cao y tế Nha Trang (b)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (c)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Cộng	14.700.000.000	-	14.700.000.000	-

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Phú Thọ (nay là Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600985779 ngày 21 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 6 năm 2018; tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(b): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Nha Trang (nay là Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ cao y tế Nha Trang) theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201756523 ngày 23 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(c): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300290910 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	112.500.000	929.026.827
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Cường	0	265.500.000
Trường ĐH Công nghệ thông tin - ĐHQG	0	423.712.527

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TP.HCM		
Nhà cung cấp khác	112.500.000	239.814.300
Cộng	112.500.000	929.026.827

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	107.145.501	762.213.064	(869.358.565)	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.484.163	105.184.494	(48.032.564)	82.636.093
Thuế thu nhập cá nhân	24.849.111	59.085.177	(60.416.173)	23.518.115
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	157.478.775	929.482.735	(980.807.302)	106.154.208

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế	5%
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	9.608.573	62.697.874
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội		40.841.725
Bảo hiểm y tế		6.139.142
Bảo hiểm thất nghiệp		2.568.000
Bảo hiểm TNLD- BNN		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		3.540.434
Cộng	9.608.573	62.697.874

12. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	2.863.107.311	(7.452.386.452)	15.410.720.859
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	970.582.006	970.582.006
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	2.863.107.311	(6.481.804.446)	16.381.302.865
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	2.863.107.311	(6.481.804.446)	16.381.302.865
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	46.230.583.959	46.230.583.959

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối kỳ này	20.000.000.000	2.863.107.311	39.748.779.513	62.611.886.824

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

13. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	950.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn kiến trúc đô thị UAC	450.000.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4 Năm 2018	Quý 4 năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa	10.714.106.519	1.095.357.273
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	10.714.106.519	1.095.357.273

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 Năm 2018	Quý 4 năm 2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.164.139.634	151.470.100
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		0
Cộng	10.164.139.634	151.470.100

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Quý 4 Năm 2018	Quý 4 năm 2017
----------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A, khu đô thị Vĩnh Hoàng, P. Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	<u>Quý 4 Năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>
Lãi tiền gửi	128.161	90.666
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.000.000.000	-
Cộng	38.000.128.161	90.666

4. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 4 Năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.124.407	24.261.592
Các chi phí khác bằng tiền		
Cộng	12.124.407	24.561.592

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 Năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>
	674.715.820	814.137.850
Cộng	445.683.940	725.758.180

6. Chi phí khác

	<u>Quý 4 Năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>
Phạt nộp chậm thuế và bảo hiểm	6.305	4.821.883
Điều chỉnh giảm chi phí khác	(3.219.426)	
Cộng	(3.213.121)	4.821.883

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý 4 Năm 2018</u>	<u>Quý 4 năm 2017</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	82.636.093	20.151.303
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	82.636.093	20.151.303

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 10 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Oanh

Phạm Thị Minh Thư

Đặng Quang Nam